

*Bản án số: 122 /2018/HSST
Ngày: 22 /08/2018*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông **Đỗ Văn Nghiêm**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Thành**
Ông **Trần Văn Huy***

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 08 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì -TP. Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 123/2018/HSST ngày 23/07/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Trắc H, sinh ngày 1985; HKTT và nơi ở: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Trắc H1; con bà Đinh Thị N;

Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án đã xóa. Bị cáo bị bắt ngày 28/02/2018 - Có mặt.

Nguyễn Phú T, sinh năm 1993; HKTT và nơi ở: Khu 10, thị trấn C, huyện T, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa : 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Phú N; con bà Bùi Thị L;

Tiền án: Bản án phúc thẩm số 08 ngày 23/06/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh H tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" ; chấp hành xong hình phạt ngày 20/01/2017 – Có mặt

Người bị hại: Anh Kim Văn D, sinh 1994; cư trú tại: Thôn Q, xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam – Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; cư trú tại: Thôn Q, xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam – Có mặt

2. Chị Kim Thị T1, sinh năm 1983; cư trú tại: Số 106 tổ 1 phường H, thành phố L, tỉnh Hà Nam – Có mặt

3. Chị Kim Thị T2, sinh năm 1993; cư trú tại: Tổ dân phố N, phường C, thành phố L, tỉnh Hà Nam – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu cú trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trắc H, Nguyễn Phú T và bị hại là anh Kim Văn D cùng thuê trọ ở xóm K, thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Do anh D và H có mâu thuẫn từ trước nên khoảng 21 giờ ngày 10/09/2017, sau khi đi ăn cơm tối về khu trọ H đã kể lại cho T nghe về việc mâu thuẫn giữa H với D. Nghe xong T liền đi lên tầng 2 của khu phòng trọ và gọi D xuống nói chuyện, khi D đi xuống dưới khu trọ rồi đi ra trước cửa hiên nhà đồng thời ngồi lên chiếc xe máy của D dựng đối diện với ghế sa lông chỗ H, T, Hà Văn C (SN: 1991, Đ, xã T, huyện L, Hòa Bình) và Đinh Văn Ch (SN: 1992, HKTT: Đ, xã T, huyện L, Hòa Bình) đang ngồi. Lúc này T liền chửi D đồng thời H lấy chiếc điều cày làm bằng tre vụt một phát vào vùng mặt và cầm bên phải của D làm D ngã người ra đằng sau, bị đánh D bỏ chạy vào trong nhà, khi chạy đến cửa tầng 1 để vào nhà, do bị T giữ tay nên D bị trượt chân ngã ở bậc thềm trước cửa phòng trọ thì bị H tiếp tục dùng điều cày vụt 2 phát vào lưng D, ngay lúc này T chạy đến dùng chân tay không dấm, đá vào người D, do mọi người can ngăn nên D bỏ chạy được ra ngoài thì T cầm điện thoại của mình ném về phía D đang chạy nhưng không trúng D. Sau đó D đến bệnh viện đa khoa Nông nghiệp, Thanh Trì, Hà Nội để cấp cứu. Đến ngày 16/09/2017 D về bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam để điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 1028 ngày 06/12/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Hà Nội, tỷ lệ tổn hại sức khỏe của Kim Văn D như sau:

1. Các sẹo vết thương, vết mổ: 02%
2. Gãy xương hàm dưới hiện còn phương tiện kết hợp xương 10 %

3. Gãy xương mũi hiện không được ghi nhận tại giấy chứng nhận thương tích số 77 ngày 09/11/2017 của bệnh viện Đa khoa nông nghiệp; Giấy chứng nhận thương tích số 141 ngày 18/10/2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam và không có phim chụp tại thời điểm xảy ra vụ việc. Do vậy không đủ căn cứ để kết luận. Đề nghị giám định bổ sung sau nếu có đủ căn cứ và cần thiết.

4. Nhiều khả năng các thương tích do vật tày, tày có cạnh gây nên.

Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 12 % (Mười hai phần trăm)

Tại bản cáo trạng số 114/CT- VKS ngày 19/07/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố Nguyễn Trắc H, Nguyễn Phú L về tội "Cố ý gây th- ơng tích" theo khoản 2 Điều 134 (Thuộc điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ Luật hình sự

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng truy tố; Sau khi phạm tội và bị bắt tạm giam các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội để các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh kết thúc vụ án, mong được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo nhanh được tái hòa nhập cộng đồng làm người có ích cho gia đình và cho xã hội.

Người bị hại tại phiên tòa thừa nhận lời khai tại phiên tòa của bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử phần hình sự theo quy định của pháp luật; phần dân sự, ngày 10/08/2018, người bị hại đã có đơn yêu cầu bồi thường, tại phiên tòa người bị hại vẫn

giữ nguyên quan điểm như đơn ngày 10/08/2018, yêu cầu các bị cáo bồi thường cho người bị hại 74 triệu đồng gồm: Tiền thuốc men 20 triệu; tiền chi phí nằm viện từ ngày 10/09/2017 đến ngày 15/09/2017 là 20 triệu; tiền mất thu nhập trong thời gian nằm viện 10 triệu đồng; Tiền thời gian không lao động do bị thương tích 30 triệu đồng; tiền chi phí cho người chăm sóc thời gian nằm viện là 4 triệu đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N là mẹ anh D đề nghị các bị cáo bồi thường cho bà tiền mất thu nhập phải ở nhà chăm sóc D là 6 triệu đồng; tiền chi phí ăn uống và viện phí là 40 triệu đồng và các chi phí thêm khác; Tổng số là 50 triệu đồng.

Chị Kim Thị T1 là chị gái của người bị hại có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị tiền mất thu nhập là 6 triệu đồng ($300.000\text{đ}/1 \text{ ngày} \times 20 \text{ ngày} = 6.000.000\text{đồng}$); tiền chi phí thuốc thang, thiết bị y tế và ăn uống trong thời gian chăm sóc D là 3 triệu đồng. Tổng số là 9 triệu đồng.

Chị Kim Thị T2 là chị gái của D có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị tiền mất thu nhập là 5 triệu đồng ($2.500.000/1 \text{ ngày} \times 20 \text{ ngày} = 5.000.000\text{đồng}$); tiền chi phí thuốc thang, thiết bị y tế và ăn uống trong thời gian chăm sóc D là 3 triệu đồng. Tổng số là 9.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đã luận tội, xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ, thông qua việc xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa đã kết luận: Do bị cáo H và anh D có mâu thuẫn. Đến khoảng 21 giờ 00 ngày 10/09/2017, tại xóm K, thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội, bị cáo T gọi anh D xuống tầng một nói chuyện; H đã dùng điều cây đánh anh D; bị cáo T dùng mũ bảo hiểm đánh D nhưng không trúng. Hậu quả anh D bị thương tích 12%. Hành vi của các bị cáo là cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 134 (Thuộc điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ Luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 134 (Thuộc điểm a khoản 1 Điều 134) đối với cả hai bị cáo; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 đối với T; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với H và T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trắc H mức án từ 30 đến 36 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Phú T mức án từ 30 đến 36 tháng tù, tiếp tục giam các bị cáo. Về dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 30 triệu đồng, mỗi bị cáo là 15.000.000đồng. tịch thu tiêu hủy 01 điều cây; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an huyện Thanh trì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Đến thời điểm mở phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng đã thực hiện là hợp pháp; Hội đồng xét xử nhận định về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau [1].

Do bị cáo Nguyễn Trắc H có mâu thuẫn về việc lấy đồ ăn với anh Kim Văn D từ buổi trưa; bị cáo H kể cho bị cáo T về việc mâu thuẫn rồi cả hai cùng bàn rủ anh D xuống tầng một nói chuyện rồi dùng điều cây đánh cho anh D một trận (BL 161, 199). Đến khoảng 21 giờ 00 ngày 10/09/2017, tại tầng một của nhà trọ ở xóm K, thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội, bị cáo H dùng điều cây đánh anh D; bị cáo T dùng mũ bảo hiểm đánh anh D nhưng không trúng. Hành vi bàn bạc dùng điều cây là hung khí đánh anh D bị thương tích 12% là có đủ dấu hiệu cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 134 (Thuộc điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ Luật hình sự. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Khi xem xét đến lượng hình, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi người phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của vụ án, thấy [2]:

Vai trò, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, chỉ mâu thuẫn nhỏ trong việc lấy thức ăn hàng ngày mà các bị cáo không nói chuyện được với nhau, phải dùng đến vũ lực; thể hiện các bị cáo sự coi thường pháp luật, coi thường tính mạng sức khỏe của người khác được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an cho xã hội, gây bức xúc và bất bình cho trong nhân dân. Trong vụ án này bị cáo H là người có mâu thuẫn nhỏ với D nhưng không tự dàn xếp mà nói chuyện với bị cáo T rồi chủ động dùng điều cây đánh D. Do vậy, bị cáo H có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo D sau khi được bị cáo H kể chuyện đã tiếp nhận ý trí và gọi D xuống để cùng bị cáo H đánh anh D. Do vậy D có vai trò thứ yếu trong vụ án [3].

Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo H có 01 tiền án đã xóa, bị cáo T có 01 tiền án chưa được xóa, lần phạm tội này bị cáo T chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình để các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh kết thúc vụ án, đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo [4].

Về dân sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị hại có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường sức khỏe cho anh Kim Văn D là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự để xem xét giải quyết phần bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

Tiền chi phí chữa trị, thuốc men cho người bị hại có hóa đơn hợp lệ là 6.968.000đồng; tiền mất thu nhập trong thời gian nằm viện là 13 ngày; thời gian bồi dưỡng sức khỏe là 23 ngày. Tổng là 40 ngày, mỗi ngày 200.000đồng/1 (40 ngày x 200.000 đồng = 8 triệu đồng. Tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho anh D là 14.968.000đồng (Mười bốn triệu, chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng chẵn)

Chi phí cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N chăm sóc anh D trong thời gian nằm viện là 13 ngày và 07 ngày khi anh D mới ra viện cần có người chăm sóc. Tổng số là 20 ngày, mỗi ngày 200.000đồng (200.000 đồng x 20 ngày = 4.000.000đồng, bốn triệu đồng chẵn)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Kim Thị T1 và chị Kim Thị T2 chăm sóc 08 ngày x 200.000/1 ngày = 1.600.000đồng; mỗi chị là 800.000đồng.

Bị cáo H có vai trò chính trong vụ án, do vậy phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cao hơn bị cáo T. Buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại là anh D 10.000.000đồng; bị cáo T bồi thường cho anh D là 4.968.000đồng

Buộc bị cáo H bồi thường cho bà N 4 triệu đồng; bị cáo T phải bồi thường cho chị T1 800.000đồng; bồi thường cho chị T2 800.000đồng [5],

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 điều cây bằng tre ;vật chứng hiện ở chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì [6]

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định quy định của pháp luật; bị cáo, ng-ời bị hại, ng-ời có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định quy định của pháp luật [7].

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 134 (Theo điểm a khoản 1 Điều 134); Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Tân ; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H và T; tuyên bố bị cáo Nguyễn Trắc H và bị cáo Nguyễn Phú T phạm tội “Cố ý gây thương tích“

Xử phạt: **Nguyễn Trắc H 32** (Ba mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2018, tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án

Xử phạt **Nguyễn Phú T 30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2018, tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án

Áp dụng Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 và Điều 336 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 357, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015, áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn Trắc H phải bồi thường cho người bị hại là anh Kim Văn D 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); buộc bị cáo Nguyễn Phú T phải bồi thường cho anh D 4.968.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm sáu tám ngàn đồng)

Buộc bị cáo Nguyễn Trắc H phải bồi thường cho người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng); buộc bị cáo T phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Kim Thị T1 và chị Kim Thị T2, mỗi chị là 800.000đồng.

Bác các yêu cầu khác của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự";

Tịch thu tiêu hủy 01 điều cây, vật chứng hiện đang l- u giữ tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Trắc H phải chịu 700.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Phú T chịu 328.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; Ng- ời bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Trại tạm giam CATPHN;
- Chi cục THA huyện Thanh Trì;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;

Đỗ Văn Nghiêm